

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học ; Chuyên ngành: Nhi khoa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN THỊ HOÀNG

2. Ngày tháng năm sinh: 25/02/1976; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 269/21 Ông Ích Khiêm, phường Hải Châu 2, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng, khu đô thị Đại học Đà Nẵng, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại nhà riêng: 02363.820.281; Điện thoại di động: 0903.543.115; E-mail: hoangtrandn@yahoo.com.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian

Công việc, chức vụ, cơ quan

Từ tháng 01/2001 đến tháng 02/2004

Bác sĩ điều trị tại Khoa Nhi, BV Đà Nẵng

Từ tháng 03/2004 đến tháng 03/2006

Học Thạc sĩ Nhi khoa tại Đại học Melbourne, BV Nhi Hoàng gia Melbourne, Australia theo học bổng 322 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam

Từ tháng 4/2006 đến tháng 2/2009	Bác sĩ điều trị tại Khoa Nhi, BV Đà Nẵng
Từ tháng 03/2009 đến tháng 12/2012	Nghiên cứu sinh tại Đại học Melbourne, BV Nhi Hoàng gia Melbourne, Australia theo học bổng của Đại học Melbourne và học bổng TP Đà Nẵng
Từ tháng 4/2011 đến tháng 2/2015	Phó khoa Nhi, BV Đà Nẵng (sau này tách ra BV Phụ sản - Nhi Đà Nẵng)
Từ 01/12/2014 đến nay	Tham gia giảng dạy tại Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng
Từ 01/12/2014 đến tháng 1/2018	Kiểm nhiệm chức vụ Phó trưởng Bộ môn Nội - Nhi - Truyền nhiễm và Dược lý, Khoa Y Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng
Từ tháng 2/2015 đến nay	Phó giám đốc BV Phụ sản - Nhi Đà Nẵng, phụ trách chuyên môn Khối Nhi
Từ tháng 7/2015 đến nay	Thành viên của nhóm chuyên gia đánh giá độc lập tiến trình thực hiện kế hoạch hành động vì trẻ sơ sinh khỏe mạnh của Tổ chức Y tế thế giới khu vực Tây Thái Bình Dương
Từ tháng 1/2016 đến nay	Tham gia giảng dạy, hướng dẫn tại Bộ môn Nhi, Đại học Y Dược Huế
Từ tháng 2/2017 đến nay	Tham gia giảng dạy tại Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng Kiểm nhiệm chức vụ Phó trưởng Bộ môn Nhi, Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng
Từ tháng 7/2019 đến nay	Là thành viên Hội đồng trường, Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc BV Phụ sản - Nhi Đà Nẵng, Phó trưởng Bộ môn Nhi, khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó giám đốc Bệnh viện

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng

Địa chỉ cơ quan: 402 Lê Văn Hiến, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan: 0236 395 7777

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng, Bộ môn Nhi - Đại học Y Dược Huế.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Bộ môn Nhi, Khoa Y Dược, Đại học Đà Nẵng; Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng, Bộ môn Nhi, Đại học Y - Dược Huế.

9. Học vị:

- Được cấp bằng Đại học ngày 20 tháng 10 năm 2000; số văn bằng: C0259075; ngành: Y khoa, chuyên ngành: Y đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 30 tháng 8 năm 2006; (số văn bằng: 004856, Cục quản lý chất lượng Bộ giáo dục và Đào tạo công nhận); ngành: Y khoa; chuyên ngành: Nhi khoa; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Đại học Melbourne, Australia.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 10 tháng 8 năm 2013; (số văn bằng: 004857, Cục quản lý chất lượng Bộ giáo dục và Đào tạo công nhận); ngành: Y khoa; chuyên ngành: Nhi; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Đại học Melbourne, Australia.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Đà Nẵng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Chăm sóc sơ sinh thiết yếu sớm: Thực hành chăm sóc sơ sinh thiết yếu sớm bao gồm da kề da ngay sau sinh cho tất cả trẻ sinh ra đời thở được và chăm sóc trẻ non tháng, nhẹ cân bằng phương pháp Kangaroo. Các nghiên cứu tập trung vào tính khả thi và hiệu quả tác động lên sức khỏe trẻ sơ sinh khi ứng dụng thực hành chăm sóc sơ sinh thiết yếu sớm vào thực tiễn trong các tình huống sinh thường, sinh mổ, và trong đại dịch COVID-19.

- Nuôi con bằng sữa mẹ và Ngân hàng sữa mẹ: Nghiên cứu tìm ra các yếu tố liên quan đến thực hành nuôi con bằng sữa mẹ và thực hành hiến tặng sữa cho Ngân hàng sữa mẹ. Nghiên cứu còn mô tả cách vận hành Ngân hàng sữa mẹ tại Việt Nam và có khả năng ứng dụng tại một quốc gia khác.

- Tử vong và bệnh tật trẻ em: Các nghiên cứu tập trung vào thống kê tử vong và bệnh tật trẻ sơ sinh, các yếu tố liên quan đến tử vong sơ sinh, nhiễm

trùng bệnh viện, chậm tăng trưởng ở trẻ sinh non nhằm đưa ra các giải pháp cải thiện tử vong và bệnh tật trẻ sơ sinh. Tôi cũng hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện đề tài viêm phổi ở trẻ em, một trong những nguyên nhân nhập viện và tử vong hàng đầu ở trẻ em dưới 5 tuổi.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã tham gia đồng hướng dẫn 02 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS, bác sĩ nội trú;
- Đã hoàn thành 09 đề tài NCKH cấp cơ sở;
- Đã công bố 34 bài báo KH, trong đó 30 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng tài liệu đã tham gia biên soạn: 07, trong đó 06 tài liệu do Bộ Y tế phê duyệt; và 01 sách do Nhà xuất bản tổng hợp Đà Nẵng phát hành.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ* của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng năm 2018, 2019, 2020, 2021;
- Bằng khen *Đã có bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học uy tín* của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng năm 2022;
- Bằng khen *Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền 2014-2018* của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng năm 2019;
- Danh hiệu *Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở* của Giám đốc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng năm 2008, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Bản thân tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy và quy chế của cơ quan nơi công tác.
- Có đạo đức tốt, đúng chuẩn mực của người thầy thuốc, nhà giáo Việt Nam, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao.
- Bản thân không ngừng học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, lý luận chính trị, trình độ ngoại ngữ; tích cực tham gia các khóa học trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ và đảm bảo chất lượng.

- Về hợp tác trường và bệnh viện: Được sự tín nhiệm của Ban lãnh đạo bệnh viện và Ban giám hiệu trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng, năm 2014 tôi được bổ nhiệm chức vụ Phó trưởng Bộ môn Nội - Nhi - Truyền nhiễm và Dược lý. Sau đó, tôi được phân công đảm nhận chức vụ Phó trưởng Bộ môn Nhi, Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng từ năm 2018 đồng thời là giảng viên thỉnh giảng của Bộ môn Nhi, trường Đại học Y Dược Huế. Trong suốt thời gian đảm nhận công tác quản lý, giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu khoa học, bản thân tôi đã nỗ lực để hoàn thành tốt công tác được Nhà trường giao.

- Luôn trung thực, khách quan, nhiệt tình trong công tác giảng dạy và đào tạo, thực hiện đầy đủ số giờ giảng theo sự phân công của Khoa, Bộ môn; tham gia hướng dẫn sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Xây dựng và phát triển chương trình chi tiết đào tạo trình độ Đại học ngành Y đa khoa, chuyên ngành Nhi khoa của Bộ môn Nhi - Khoa Y, Đại học Đà Nẵng với các chủ đề thiết yếu cho sinh viên Y đa khoa về lý thuyết cũng như thực hành tại bệnh viện. Cùng với các đồng nghiệp, chúng tôi đã phát triển chương trình đào tạo Nội trú Nhi tại bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng, chương trình thực hành Nhi sơ sinh dành cho bác sĩ nội trú của trường Đại học Y Dược Huế và bác sĩ từ một số bệnh viện trong cả nước tham gia các khóa học về sơ sinh tại bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng. Tích cực, chủ động trong công tác đổi mới, cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy để đáp ứng các tiêu chí đảm bảo chất lượng dạy và học theo xu thế của giáo dục Y khoa hiện nay.

- Đam mê nghiên cứu khoa học, tôi luôn xem đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của giảng viên đại học; tích cực và chủ động tham gia các nhóm nghiên cứu, chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài mang tính ứng dụng cao, kết hợp nghiên cứu với các chuyên gia trong và ngoài nước cũng như xuất bản các công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín; luôn quan tâm công tác trao đổi học thuật, tham gia các hội thảo khoa học cũng như các khóa đào tạo trong và ngoài nước; chú trọng đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên, tích cực hướng dẫn, giúp sinh viên tiếp cận sớm với nghiên cứu khoa học. Ngoài việc đảm nhận giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho sinh viên, học viên cao học, nội trú, tôi đã hợp tác với các trường Đại học Ludwig Maximilians, Đại học Sydney đồng hướng dẫn thành công 2 luận án tiến sĩ cho 2 nghiên cứu sinh về lĩnh vực Nhi khoa và chu sinh.

- Công tác đào tạo chuyên sâu dành cho cán bộ Y tế: Đào tạo và giảng dạy chuyên ngành Nhi sơ sinh cho nhân viên y tế tại các bệnh viện tuyến quận huyện, tư nhân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi với các chương trình giảng dạy cơ bản cũng như chuyên sâu có chất lượng. Hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ công tác tuyển về đào tạo và giảng dạy chăm sóc sơ sinh thiết yếu, chăm sóc trẻ non tháng, nhẹ cân bằng phương pháp Kangaroo cho nhân viên y tế từ nhiều bệnh viện tuyến tỉnh, giảng viên đại học trong cả

nước theo sự phân công của Vụ sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế. Là thành viên tích cực của nhóm chuyên gia kỹ thuật của Vụ sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em trong việc thúc đẩy triển khai một cách rộng rãi và đồng bộ trong cả nước về chương trình chăm sóc sơ sinh thiết yếu, chăm sóc trẻ sinh non bằng phương pháp Kangaroo và nuôi con bằng sữa mẹ.

- Hỗ trợ đào tạo, giảng dạy cán Bộ Y tế các nước như Pakistan, Maroc, Trung Quốc trong chương trình hợp tác với Vụ sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Tổ chức Y tế thế giới và Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc tại BV Phụ sản - Nhi Đà Nẵng (2016, 2019). Tham gia đào tạo cho nhân viên y tế của CHDCND Lào và CH Vanuatu về chăm sóc trẻ non tháng, nhẹ cân bằng phương pháp Kangaroo (2019) theo lời mời của Tổ chức Y tế thế giới và Quỹ Nhi đồng liên hiệp quốc. Hoạt động mang lại hiệu quả tích cực trong cải thiện chất lượng chăm sóc trẻ sơ sinh và được bạn bè quốc tế đánh giá cao.

- Tham gia biên soạn chính các tài liệu giảng dạy và đào tạo của Vụ sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế như Hướng dẫn chăm sóc sơ sinh thiết yếu sớm sau sinh thường và mổ lấy thai; Hướng dẫn quốc gia về thiết lập và vận hành Ngân hàng sữa mẹ, một lĩnh vực còn rất mới tại Việt Nam nhằm giúp trẻ sơ sinh nguy cơ cao, trẻ non yếu, bệnh lý không may mắn khi chưa có sữa mẹ để được sớm tiếp cận với nguồn sữa mẹ an toàn, giàu dinh dưỡng từ các bà mẹ hiến tặng đồng thời phát triển mạng lưới ngân hàng sữa mẹ tại Việt Nam; Hướng dẫn chăm sóc tại nhà bà mẹ cho con bú và trẻ sơ sinh mắc COVID-19.

- Bản thân tôi có sức khỏe tốt để tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 7.5 năm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

T T	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/C K2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi/số giờ chuẩn định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017			01		160	45	205/195/135
2	2017-2018			01		106	30	136/141/135
3	2018-2019		01			10	150	160/344/135
<i>3 năm học cuối</i>								
4	2019-2020		01	01	01	72	64	136/297/135
5	2020-2021				01	226		226/195/135
6	2021-2022			02	01	270		270/343/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số [64/2008/QĐ-BGDĐT](#) ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số [36/2010/TT-BGDĐT](#) ngày 15/12/2010 và Thông tư số [18/2012/TT-BGDĐT](#) ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số [47/2014/TT-BGDĐT](#) ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số [20/2020/TT-BGDĐT](#) ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy

định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Australia, năm 2006.

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Australia, năm 2013.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng và một số bệnh viện tại CHDCND Lào, Cộng hòa Vanuatu.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ IELTS 7.5

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK 2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1.	Hoàng Thị Nam Giang	x			x	2014-2019	Ludwig Maximilians University, Munich, Germany	22/11/2019
2.	Nguyễn Thị Kim Phương	x			x	2016-2020	The University of Sydney,	21/4/2020

							Australia	
3.	Hoàng Thị Duyên		Th.S. BSNT	x		2014- 2017	ĐHYD Huế	28/11/2017
4.	Nguyễn Thiên Nhật Hồng		Th.S. BSNT	x		2015- 2018	ĐHYD Huế	25/12/2018
5.	Đặng Thị Hoài Nam		Th.S. BSNT	x		2017- 2020	ĐHYD Huế	31/12/202
6.	Trần Nhật Phương		Th.S. BSNT	x		2018- 2021	ĐHYD Huế	14/4/2022
7.	Phạm Thị Yến Vi		Th.S. BSNT	x		2018- 2021	ĐHYD Huế	14/4/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

Tham gia biên soạn 07 tài liệu trong đó có 06 tài liệu đào tạo, giảng dạy hoặc hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và 01 sách chuyên khảo trong lĩnh vực chăm sóc và điều trị sơ sinh thiết yếu.

TT	Tên sách/ tài liệu	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<i>Sau khi được công nhận TS</i>							
1.	Tài liệu đào tạo liên tục Ê-kíp phẫu thuật và gây mê hồi sức trong cấp cứu sản phụ khoa dành cho bệnh	GT	2015			Chăm sóc sơ sinh thiết yếu ngay sau mổ lấy thai (trang 209-	Quyết định số 137/QĐ-K2ĐT ngày 27/10/2015 của Cục trưởng cục Khoa học-Công nghệ và Đào

TT	Tên sách/ tài liệu	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	viện tuyến huyện					217) Hồi sức sơ sinh (trang 220-232)	tạo, Bộ Y tế
2.	Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản	HD	Bộ Y tế, 2016	54		Suy hô hấp sơ sinh (trang 228-229); Viêm phổi (trang 233-234); Chọc hút và đặt ống dẫn lưu màng phổi (trang 273-274); Kỹ thuật đặt ống thông dạ dày cho trẻ sơ sinh (275-276)	Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ y tế
3.	Hướng dẫn chuyên môn Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau mổ lấy thai	HD	Bộ y tế, 2016		Biên soạn chính		QĐ số 6734/QĐ-BYT ngày 15/11/2016 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu Hướng dẫn chuyên môn Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau mổ lấy thai

TT	Tên sách/ tài liệu	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
4.	Hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật thiết lập và vận hành Ngân hàng sữa mẹ	HD	Bộ Y tế, 2021		Biên soạn chính		QĐ số 2394/QĐ-BYT ngày 14/5/2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu "Hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật thiết lập và vận hành Ngân hàng sữa mẹ"
5.	Hướng dẫn tạm thời dự phòng và xử trí COVID-19 do chủng virut SARS-CoV-2 ở phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh	HD	Bộ Y tế, 2021		Biên soạn chính		QĐ số 3982/QĐ-BYT ngày 18/8/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời dự phòng và xử trí COVID-19 do chủng virut SARS-CoV-2 ở phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh
6.	Hướng dẫn chăm sóc, quản lý tại nhà đối với phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú và trẻ sơ sinh mắc COVID-19	HD	Bộ Y tế, 2022		Biên soạn chính		Quyết định số 775/QĐ-BYT ngày 28/3/2022 về việc ban hành Hướng dẫn chăm sóc, quản lý tại nhà đối với phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú và trẻ sơ sinh mắc COVID-19

TT	Tên sách/ tài liệu	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
7.	Chăm sóc và điều trị sơ sinh thiết yếu	CK	Nhà xuất bản Đà Nẵng	06	Có	1-19, 33-160, 265-273, 306-332, 368-395	Quyết định số 301/QĐ-DHKTYĐĐN ngày 28/06/2022 của Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng sử dụng sách chuyên khảo làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo và giảng dạy cho sinh viên Khoa Y, khoa Điều dưỡng và Bộ môn Phục hồi chức năng.

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín sau khi được cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS): 01 sách, CB (1-160; 265-273; 306-332; 368-395)

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

Đã tham gia thực hiện 09 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, trong đó chủ nhiệm 05 đề tài.

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<i>Sau khi bảo vệ học vị TS</i>					
1.	ĐT: Đánh giá bước đầu về tầm soát khiếm thính trẻ sơ sinh tại Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	PCN	Cấp cơ sở	11/2014-7/2015	Sở Y tế có quyết định công nhận ngày 25/12/2015 Xếp loại: Đạt
2.	ĐT: Tử vong và bệnh tật nhi sơ sinh tại Bệnh viện Đà Nẵng 2013-2015	CN	Cấp cơ sở	2013-2015	Sở Y tế có quyết định công nhận ngày 12/12/2016 Xếp loại: Đạt
3.	ĐT: Đánh giá bước đầu hoạt động của Ngân hàng sữa mẹ tại Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	PCN	09 Cấp cơ sở	2/2017-8/2017	Sở Y tế có quyết định công nhận ngày 29/12/2017 Xếp loại: Đạt
4.	ĐT: Nghiên cứu đặc điểm và phát triển thể chất của trẻ sơ sinh có cân nặng lúc sinh dưới 1500 gam	PCN	Cấp cơ sở	4/2016-6/2017	Sở Y tế có quyết định công nhận ngày 29/12/2017 Xếp loại: Đạt
5.	ĐT: Một số đặc điểm của bà mẹ và trẻ sơ sinh bệnh lý nhận sữa từ Ngân hàng sữa mẹ Đà Nẵng	CN	02.19 Cấp cơ sở	3/2018-8/2018	Sở Y tế có quyết định công nhận ngày 28/12/2018 Xếp loại: Đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
6.	ĐT: Tử vong và bệnh tật sơ sinh có cân nặng lúc sinh dưới 1500 gam tại Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	PCN	02.62 Cấp cơ sở	10/2013- 12/2017	Sở Y tế có quyết định công nhận ngày 28/12/2018 Xếp loại: Đạt
7.	ĐT: Nghiên cứu đặc điểm của bà mẹ và trẻ sơ sinh khỏe mạnh nhận sữa từ Ngân hàng sữa mẹ Đà Nẵng	CN	30.18 Cấp cơ sở	3/2019- 10/2019	Sở Y tế có quyết định công nhận ngày 21/12/2019 Xếp loại: Đạt
8.	ĐT: Đánh giá kết quả hoạt động của Ngân hàng sữa mẹ Đà Nẵng từ năm 2017 đến 2020	CN	19.22 Cấp cơ sở	2/2017- 8/2020	Sở Y tế có quyết định công nhận ngày 18/12/2020 Xếp loại: Đạt
9.	ĐT: Đặc điểm của bà mẹ hiến tặng và yếu tố liên quan đến thời gian và lượng sữa hiến tặng cho Ngân hàng sữa mẹ Đà Nẵng	CN	52.18 Cấp cơ sở	2/2017- 7/2020	Sở Y tế có quyết định công nhận ngày 16/12/2021 Xếp loại: Đạt

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

Đã xuất bản 34 bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/Tạp, số, trang	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập,số, trang	Tháng, Năm công bố
<i>Trước khi bảo vệ học vị TS</i>								
1.	Neonatal bladder rupture	3	Có	The Indian Journal of Pediatrics 2009; 76 (4) : 427-429]	SCIE, IF=0,8/ Q4	9	76, 4, 427-429	4/ 2009
2.	A systematic review of the burden of neonatal mortality and morbidity in the ASEAN Region	4	Có	WHO South-East Asia Journal of Public Health 2012; 1 (3), 239-248	IF=0,55 /Q2	26	1, 3, 239-248	2012
<i>Sau khi bảo vệ học vị TS</i>								
3.	Morbidity and mortality in hospitalised neonates in central Vietnam	5	Có	Acta Paediatrica 104 (5), e200-e205	SCIE, IF=2,26 /Q2	18	104, 5, e200-e205	5/2015

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/Tập, số, trang	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập,số, trang	Tháng, Năm công bố
4.	A high burden of late-onset sepsis among newborns admitted to the largest neonatal unit in central Vietnam	5	Có	Journal of Perinatology 35 (10), 846-851	SCIE, IF=2,344 /Q1	27	35, 10, 846-851	10/2015
5.	Risk factors for child pneumonia - focus on the Western Pacific Region	6	Không	Paediatric Respiratory Reviews 21 (2017) 95–101	SCIE IF=2,726/Q1	26	21, 95–101	1/2017
6.	Encouraging rational antibiotic use in childhood pneumonia: a focus on Vietnam and the Western Pacific Region	6	Không	Pneumonia (Nathan) (2017) 9	ESCI	12	9,7	4/2017
7.	Exploring pneumonia risk factors in Vietnamese infants: a survey of new	5	Không	BMJ Paediatrics Open 2017;0:e000155	SCIE, IF=1.83 /Q1	2	1, 1, e000155	8/2017

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/Tạp, số, trang	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp,số, trang	Tháng, Năm công bố
	mothers							
8.	Nursing & parental perceptions of neonatal care in Central Vietnam: a longitudinal qualitative study	5	Không	BMC pediatrics (2017) 17:161	SCIE, IF=1,27 /Q1	14	17,1, 1-11	12/ 2017
9.	Knowledge, experience and attitudes towards skin-to-skin contact following Caesarean sections among health professionals in Vietnam	7	Có	Acta Paediatrica 2018 107 (11), 1917-1923	SCIE, IF=2,26 /Q2	3	107, 11, 1917-1923	11/ 2018
10.	Factors associated with breastfeeding intent among mothers of newborn babies in Da Nang, Viet	6	Không	International breastfeeding journal (2018) 13:2	SCIE, IF=2,54 4 /Q1	35	13,1,1-7	12/ 2018

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/Tập, số, trang	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập,số, trang	Tháng, Năm công bố
	Nam							
11.	Monitoring and interventions are needed to reduce the very high Caesarean section rates in Vietnam	4	Không	Acta Paediatrica 2018, 107 (12), 2109-2114	SCIE, IF=2,26 /Q2	22	107, 12, 2109-2114	12/2018
12.	Early essential newborn care is associated with reduced adverse neonatal outcomes in a tertiary hospital in Da Nang, Viet Nam: a pre-post-intervention study	9	Có	EClinical Medicine 2018, 6, 51-58.	SCIE, IF=3.49 , Q1	23	2018, 6, 51-58	12/2018
13.	Stillbirth and preterm birth and associated factors in one of the largest cities in central	4	Không	Acta Paediatrica 2019, 108 (4), 630-636	SCIE, IF=2,26 /Q2	9	108,4, 630-636	4/2019

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/Tạp, số, trang	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp,số, trang	Tháng, Năm công bố
	Vietnam							
14.	Characterisation of children hospitalised with pneumonia in central Vietnam: a prospective study	6	Không	European Respiratory Journal 2019 54 (1)	SCIE, IF=12.3 4/Q1	20	54,1	7/2019
15.	Paediatric use of antibiotics in children with community acquired pneumonia: a survey from Da Nang, Vietnam	6	Không	Journal of paediatrics and child health 55 (2019) 1329–1334	SCIE, IF=1,57 2/Q2	6	55, 11, 1329–1334	11/ 2019
16.	Prevalence and Pattern of Congenital Anomalies in a Tertiary Hospital in Central Vietnam	5	Không	Journal of tropical pediatrics, 2020, 66, 187–193	SCIE, IF=0,94 /Q2	4	66, 2, 187–193	4/2020
17.	Predictors of unlikely bacterial pneumonia	6	Không	Clinical Infectious Diseases 2020;70(8)	SCIE, IF=8,3 /Q1	3	70, 8, 1733-1741	4/2020

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/Tạp, số, trang	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp,số, trang	Tháng, Năm công bố
	and adverse pneumonia outcome in children admitted to a hospital in central Vietnam			:1733–41				
18.	Maintaining safety and service provision in human milk banking: a call to action in response to the COVID-19 pandemic	79	Không	The Lancet Child & Adolescent Health 2020 4(7)	SCIE, IF= 11,23/ Q1	21	4, 7, 484- 485	7/2020
19.	Association between early essential newborn care and breastfeeding outcomes in eight countries in Asia and the Pacific: a cross-sectional observational-study	32	Không	BMJ Glob Health 2020, 5.	SCIE, SSCI, IF=4,2/ Q1	12	5,8, e00258 1	8/2020

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/Tập, số, trang	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập,số, trang	Tháng, Năm công bố
20.	Antibiotic use in children hospitalised with pneumonia in Central Vietnam	5	Không	Archives of disease in childhood 2020; 105 (8), 713-719	SCIE, IF=3,26 /Q1	6	105, 8, 713-719	8/2020
21.	Appropriate care for neonates born to mothers with COVID-19 disease	7	Có	Acta paediatrica 109 (9), 1713-1716	SCIE, IF=2,26 /Q2	31	109, 9, 1713-1716	9/2020
22.	The use of human donor milk	3	Có	BMJ 2020, 371, m4243.	SCIE, IF=30/ Q1	6	371, m4243	11/ 2020
23.	Tác động của ngân hàng sữa mẹ lên thực hành nuôi dưỡng trẻ sơ sinh	1	Có	Dinh dưỡng và thực phẩm. Tập 16- số 6-tháng 11/2020, trang 9-18	ISSN 1859-0381		16, 6, 9-18	11/ 2020
24.	Strengthening newborn nutrition through establishment of the first human milk bank in	10	Không	Journal of Human Lactation, 2021, Vol. 37(1) 76–86	SCIE, IF=2.23 /Q2	6	37,1,76 -86	2/2021

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/Tạp, số, trang	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp,số, trang	Tháng, Năm công bố
	Vietnam							
25.	Trends and Dynamics in the First Four Years of Operation of the First Human Milk Bank in Vietnam	10	Có	Nutrients 2021, 13, 1107.	SCIE, IF=5,72 /Q1	2	13, 4, 1107	3/2021
26.	Factors Associated with the Use of Pasteurized Donor Milk for Healthy Newborns: Experience from the First Human Milk Bank in Vietnam	7	Có	Nutrients 2021 13 (4), 1151	SCIE, IF=5,72 /Q1	3	13, 4, 1151	3/2021
27.	Chăm sóc thiết yếu sớm cho trẻ sinh non tại khu cách ly dịch COVID-19	2	Có	Nhi khoa 2021,14,1: 16-22	ISSN 1859-3860	0	14,1, 16-22	5/2021
28.	Early Essential Newborn Care can still	11	Có	Acta paediatrica 2021;110: 1991–1994	SCIE, IF=2,26 /Q2	4	110, 7, 1991-1994	7/2021

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/Tập, số, trang	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập,số, trang	Tháng, Năm công bố
	be used with mothers who have COVID-19 if effective infection control measures are applied							
29.	Early essential newborn care is associated with improved newborn outcomes following caesarean section births in a tertiary hospital in Da Nang, Vietnam: a pre/post-intervention study	12	Có	BMJ Open Quality 20 21 10(3)	ESCI, IF=1,13 /Q2	1	10, 3, e00108 9	7/2021
30.	Đặc điểm lâm sàng và yếu tố liên quan đến độ nặng của bệnh màng trong tại Bệnh	2	Không	Tạp chí nghiên cứu và thực hành Nhi khoa, Vol. 5, No. 6	ISSN 2615-9198 eISSN 2734-	0	5,6, 27-36	10/2021

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/Tạp, số, trang	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp,số, trang	Tháng, Năm công bố
	viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng			(2021) 27- 36	9179			
31.	Nghiên cứu tình trạng suy dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở trẻ 6 tháng đến dưới 5 tuổi tại Khoa Dinh dưỡng Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	3	Không	Tạp chí nghiên cứu và thực hành Nhi khoa, Vol. 5, No. 6 (2021) 11- 18	ISSN 2615- 9198 eISSN 2734- 9179	0	5, 6, 11-18	10/ 2021
32.	Beliefs and Norms Associated with the Use of Ultra- Processed Commercial Milk Formulas for Pregnant Women in Vietnam	8	Không	Nutrients 2021, 13, 4143	SCIE, IF=5,72 /Q1	2	13,11, 4143	11/ 2021
33.	Very preterm infants admitted to a tertiary neonatal unit in central Vietnam showed poor	4	Có	Acta Paediatrica 2022;111: 307–313	SCIE, IF=2,26 /Q2	1	111, 2, 307- 313	2/2022

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/Tập, số, trang	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập,số, trang	Tháng, Năm công bố
	postnatal growth							
34.	Adding the weight gain ratio to our study did not provide added benefits when identifying poor growth in very preterm infants	4	Có	Acta Paediatrica 2022;00:1-1	SCIE, IF=2,26 /Q2	0	111, 7, 1459	3/2022

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS: 28 bài (Các bài từ 3 đến 22; 24 đến 26; 28 đến 29; 32 đến 34), với 12 bài là tác giả chính sau TS (các bài 3, 4, 9, 12, 21, 22, 25, 26, 28, 29 33, 34)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Chưa có

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...): Chưa có

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Chủ trì xây dựng chương trình lý thuyết và thực hành chuyên ngành Nhi cho sinh viên Y đa khoa, Bộ môn Nhi, Khoa Y Dược - Đại học Đà Nẵng

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Trần Thị Hoàng